TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1140/2024/HC-PT
Ngày 30 tháng 9 năm 2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Dương Anh Văn.

Bà Trần Thị Thúy Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 714/2024/TLPT-HC ngày 21/8/2024 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 114/2024/HC-ST ngày 17/4/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3299/2024/QĐPT-HC ngày 19/9/2024 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1949; địa chỉ: B Bis N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Đ:

+ Ông Nguyễn Thiện Đ1, sinh năm 1978; địa chỉ: 1 P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

+ Bà Võ Thị H, sinh năm 1956 (có mặt); bà Nguyễn Thị Mai T (vắng mặt); cùng địa chỉ: B Bis N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bị kiện:*

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: G, tỉnh lộ 8, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Thanh P – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông Đinh Minh Q – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

+ Ông Nguyễn Duy B – Phó Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

+ Ông Trần Văn T1 – Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: B, tỉnh lộ 8, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Liêu Thị Phúc H1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã T: Bà Hồ Như T2 – Công chức Địa chính – Nông nghiệp – Xây dựng và Môi trường xã T, huyện C. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện là ông Nguyễn Văn Đ và người đại diện theo ủy quyền là bà Võ Thị H, ông Nguyễn Thiện Đ1 và bà Nguyễn Thị Mai T trình bày:

Nguồn gốc phần đất có diện tích 7.769,6m^2, thuộc thửa 67, tờ bản đồ số 5 (tài liệu bản đồ 02/CT-UB), bộ địa chính xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, do cha ông Đón là cụ Nguyễn Văn C (chết năm 1970) được Việt Minh cấp năm 1945, trồng bàng sinh sống, đến năm 1960 thì giao cho chú của ông Đ là cụ Nguyễn Văn R canh tác. Từ năm 1970 - 1972, cụ R tham gia cách mạng và chết năm 1972, phần đất này do thím của ông Đ (vợ của cụ R1) quản lý và trồng bàng đến năm 1978. Từ năm 1978 đến năm 2001, thím của ông Đ bị bệnh không canh tác được nên bỏ hoang, vì vậy ông Đ về lại mảnh đất này khai hoang và trồng cây ăn trái, trồng tràm cho đến nay.

Ngày 17/4/2019, ông Đ có nhận được Quyết định số 81/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) xã T về việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Văn Đ.

Ngày 22/7/2019, ông Đón nhận được Quyết định số 138/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND xã T về việc xử lý khiếu nại của ông Đ (lần đầu).

Ngày 29/7/2019, ông Đón nhận được Quyết định số 142/QĐ-XLVPHC của Chủ tịch UBND xã T về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 81/QĐ-XPVPHC ngày 17/4/2019.

Ngày 10/8/2019, ông Đ có nhận được Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 10/8/2019 về việc cưỡng chế buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả.

Việc UBND xã T ban hành những quyết định không đúng với nội dung sự việc, trái pháp luật đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ, vì vậy ông Đ đã khiếu nại toàn bộ quyết định trên đến UBND huyện C.

Sau khi UBND huyện C tiến hành tổ chức đối thoại giữa ông Đ với UBND xã T, đến ngày 22/7/2019, UBND xã T ban hành Quyết định số 11/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 81/QĐ-XPVPHC ngày 17/4/2019, Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 22/7/2019, Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 29/7/2019, Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 10/8/2019 của Chủ tịch UBND xã T.

Sau đó ông Đ có làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất đối với thửa đất trên thì nhận được Công văn số 8055/UBND-TNMT của UBND huyện C là không đủ điều kiện cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Ông Đ làm đơn khiếu nại công văn trên, đến ngày l5/01/2021 thì nhận được Quyết định số 60/QĐ-UBND ban hành ngày 08/01/2021 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của UBND huyện C, có nội dung, giữ nguyên Công văn số 8055/UBND-TNMT.

Nhận thấy UBND huyện C ra quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu giữ nguyên Công văn số 8055/UBND-TNMT, ngày 24/08/2020 của UBND huyện C đã ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông Đ nên ông yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 60/QĐĐ-UBND ngày 08/01/2021 "Về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ (lần đầu)" của Chủ tịch UBND huyện C và Văn bản số 8055/UBND-TNMTT ngày 24/8/2020 "V/v việc giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Đ, tại Công văn số 2439/VPĐK-CNCC ngày 24/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện C" của UBND huyện C.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện C và UBND huyện C có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Trần Văn T1 trình bày:

Phần đất ông Nguyễn Văn Đ đề nghị cấp GCNQSD đất, diện tích đo đạc thực tế là 7.769,6m², thuộc một phần thửa số 199, tờ bản đồ số 01 (tài liệu bản đồ kỹ thuật số), tương ứng một phần thửa số 67, tờ bản đồ số 5 (tài liệu bản đồ 02/CT-UB), bộ địa chính xã T, huyện C, có nguồn gốc là đất công.

Ngày 28/02/2001, UBND xã T ký hợp đồng số 03/HĐ-UB cho ông Nguyễn Văn Đ thuê phần diện tích khoảng 8.000m^2, thuộc phần thửa 67 (tức là phần đất hiện nay ông Nguyễn Văn Đ xin cấp GCNQSD đất có diện tích đo đạc thực tế là 7.769,6m^2), thời hạn cho thuê là 5 năm.

Năm 2006, khi hết thời hạn cho thuê đất, UBND xã không ký lại hợp đồng thuê đất cũng như lập thủ tục thanh lý hợp đồng thuê đã hết hạn đối với ông Đ. Khoảng năm 2013, ông Đ tiến hành trồng tràm.

Ngày 14/3/2013, UBND Thành phố H có Công văn số 1216/UBND -TM về phê duyệt phương án xử lý tổng thể nhà, đất của UBND huyện C (đợt 2) theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg, theo đó phần đất trên được phê duyệt phương án xử lý là *"Bán đấu giá quyền sử dụng đất nếu phù hợp quy hoạch"*.

Năm 2020, ông Đ lập thủ tục xin cấp GCNQSD đất đối với phần đất nêu trên. Qua đối chiếu tài liệu đăng ký qua các thời kỳ như sau:

- Tài liệu bản đồ 299/TTg thuộc một phần thửa đất số 280, tờ bản đồ số 02, loại đất mùa; do ông Nguyễn Văn P1 kê khai đăng ký;

- Tài liệu bản đồ 02/CT-UB thuộc một phần thửa đất số 67, tờ bản đồ số 05, loại đất hoang bằng; tên chủ sử dụng bỏ trống;

- Tài liệu bản đồ kỹ thuật số thuộc một phần thửa đất số 199, tờ bản đồ số 01, loại đất vườn; do UBND xã T kê khai đăng ký.

Ngày 24/8/2020, UBND huyện C ban hành Công văn số 8055/UBND-TNMT, với nội dung: *"Ủy ban nhân dân huyện nhận thấy việc ông Nguyễn Văn Đ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 7.769,6m², thuộc một phần thửa đất số 199, tờ bản đồ số 01 (tài liệu bản đồ kỹ thuật số), tương ứng thửa đất số 67, tờ bản đồ số 5 (tài liệu bản đồ 02/CT-UB), bộ địa chính xã T là không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất".*

Ông Đ khiếu nại Công văn số 8055 của UBND huyện C.

Ngày 08/01/2021, UBND huyện C ban hành Quyết định số 60/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Đ, với nội dung: *"Giữ nguyên Công văn số 8055/UBND-TNMT ngày 24 tháng 8 năm 2020 về việc giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Đ tại Công văn số 2439/VPĐK-CNCC ngày 24/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C. Bác nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu UBND huyện C, hủy bỏ Công văn số 8055/UBND-TNMT và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông".*

Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã T có người đại diện theo ủy quyền là bà Liêu Thị Phúc H1 trình bày:

Phần đất ông Nguyễn Văn Đ đề nghị cấp GCNQSD đất, qua đối chiếu tài liệu đăng ký qua các thời kỳ tại UBND xã như sau:

- Tài liệu bản đồ 299/TTg: Thuộc một phần thửa số 280, tờ bản đồ số 02, loại đất hoang bằng, tổng diện tích 32.320m^2 (thửa đo bao), tên chủ sử dụng bỏ trống.

- Tài liệu bản đồ 02/CT-UB: Thuộc một phần thửa số 67, tờ bản đồ số 05, loại đất hoang bằng, tổng diện tích 26.780 m^2 (thửa đo bao), do UBND xã T kê khai đăng ký.

- Tài liệu bản đồ kỹ thuật số: Thuộc một phần thửa số 199, tờ bản đồ số 01, loại đất vườn, tổng diện tích 7.964,3 m^2 do UBND xã T kê khai.

Quá trình quản lý sử dụng: Ngày 28/02/2001, UBND xã T ký hợp đồng số 03/HĐ-UB cho ông Nguyễn Văn Đ thuê diện tích khoảng 8.000m^2, thuộc phần thửa 67, tờ bản đồ số 05 (tài liệu bản đồ 02/CT-UB), bộ địa chính xã T (tức phần đất hiện nay ông Nguyễn Văn Đ xin cấp GCNQSD đất có diện tích đo đạc thực tế

là 7.769,6m^2), thuộc phần thửa 199, tờ bản đồ số 01 (bản đồ kỹ thuật số), thời hạn cho thuê là 05 năm.

Đến ngày 28/02/2006, hết thời hạn cho thuê đất. UBND xã không ký lại hợp đồng thuê đất, chưa lập thủ tục thanh lý hợp đồng đối với ông Đ.

Khu đất này, U và ký hợp đồng cho thuê đất đối với ông Đ. Khi có chỉ đạo kê khai quản lý theo quy định tại Chỉ thị số 31/2007/CT-TTg ngày 14/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ, UBND xã đã kê khai thửa 198, 199 tờ bản đồ số 01 (bản đồ kỹ thuật số) có tổng diện tích 17.106m^2 và UBND Thành phố H ban hành Công văn số 910/UBND-TM ngày 04/3/2011 về phê duyệt phương án xử lý tổng thể nhà, đất của UBND huyện C theo Quyết định số 09/2007/QĐTTg của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 1216/UBND-TM ngày 14/3/2012 của UBND Thành phố H về phê duyệt phương án xử lý tổng thể nhà, đất của UBND huyện C (đợt 2) theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt phương án xử lý "Bán đấu giá quyền sử dụng đất nếu phù hợp quy hoạch".

Năm 2013, thực hiện phương án xử lý bán đấu giá quyền sử dụng đất đối với khu đất thuộc thửa 198, 199 tờ bản đồ số 01, UBND xã đo đạc hiện trạng bổ túc hồ sơ bán đấu giá (theo yêu cầu của Ban chỉ đạo 09). Thời điểm này ông Đ có trồng tràm trên khu đất (loại lấy gỗ).

Năm 2014, ông Đ gửi đơn đến UBND huyện C, UBND xã T *"kiến nghị xin mua lại khu đất khoảng 8.000m^2"* (nay thuộc thửa 199, tờ bản đồ 01, bản đồ kỹ thuật số). UBND huyện C đã ban hành Công văn số 8430/UBND-TCKH ngày 05/11/2014, theo đó, kiến nghị của ông Đ không có cơ sở giải quyết, giao UBND xã T nhanh chóng thanh lý hợp đồng đối với ông Đ, tiến hành thu hồi mặt bằng theo quy định.

Năm 2015, ông Đón tiếp t gửi đơn kiến nghị giải quyết, nội dung đề nghị cấp GCNQSD đất khu đất trên. UBND huyện C đã ban hành Công văn số 6845/UBND-TCKH ngày 11/9/2015, theo đó, nội dung kiến nghị của ông Đ không có cơ sở giải quyết, giao UBND xã T tiếp tục thực hiện Công văn số 8430/UBND-TCKH ngày 05/11/2014 của UBND huyện C.

UBND xã đã thực hiện thủ tục thanh lý hợp đồng thuê đất và thu hồi đất đối với ông Đ. Do đó, đối với Thông báo số 403/TB-UBND ngày 01/4/2020 của UBND xã T về việc chấm dứt hợp đồng thuê đất và thu hồi đất cho thuê đối với ông Đ là một trong những nội dung thực hiện trình tự thu hồi đất để quản lý theo quy định. Hiện nay, UBND xã đang thực hiện theo chỉ đạo của UBND huyện C về các thủ tục cưỡng chế thu hồi đất đối với khu đất trên. Hiện trạng đất trống. UBND xã T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 114/2024/HC-ST ngày 17/4/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định (tóm tắt):

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu Tòa án hủy: Văn bản số 8055/UBND-TNMTT ngày 24/8/2020 "V/v việc giải quyết hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Đ, tại Công văn số 2439/VPĐK-CNCC ngày 24/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện C" của Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số

60/QĐĐ-UBND ngày 08/01/2021 "Về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ (lần đầu)" của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 25/4/2024, ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đương sự đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, xét xử không chấp nhận yêu cầu của Người khởi kiện về việc hủy quyết định hành chính của Người bị kiện là có căn cứ pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Người khởi kiện, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn Kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn Văn Đ làm trong hạn luật định và hợp lệ nên chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Người khởi kiện, thấy rằng: Phần đất ông Nguyễn Văn Đ đề nghị cấp GCNQSD đất, diện tích đo đạc thực tế là 7.769,6m², thuộc một phần thửa số 199, tờ bản đồ số 01 (tài liệu bản đồ kỹ thuật số), tương ứng một phần thửa số 67, tờ bản đồ số 5 (tài liệu bản đồ 02/CT-UB), bộ địa chính xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo các tài liệu bản đồ thể hiện quá trình kê khai, đăng ký phần đất trên như sau: (i) Tài liệu bản đồ 299/TTg, thuộc một phần thửa đất số 280, tờ bản đồ số 02 (loại đất mùa) do ông Nguyễn Văn P1 kê khai đăng ký, nhưng theo Biên bản làm việc ngày 23/10/2020 của Tổ Xác minh – Thanh tra huyện C, ông P1 khai ông không kê khai, đăng ký phần đất trên và ông P1 cũng không có mối quan hệ gia đình thân thuộc gì với ông Đ; (ii) Tài liệu bản đồ 02/CT-UB, thuộc một phần thửa đất số 67, tờ bản đồ số 05 (loại đất hoang bằng), tên chủ sử dụng bỏ trống; (iii) Tài liệu bản đồ kỹ thuật số, thuộc một phần thửa đất số 199, tờ bản đồ số 01 (loại đất vườn) do UBND xã T kê khai đăng ký. Như vậy, ông Đ không có kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất qua các thời kỳ và cũng không có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 nên không thuộc trường hợp được cấp GCNQSD đất.

[3] Mặt khác, ngày 28/02/2001, UBND xã T với ông Đ ký Hợp đồng số 03/HĐ-UB, theo đó, UBND cho ông Đ thuê đất với diện tích khoảng 8.000m^2, thuộc một phần thửa số 67, tờ bản đồ số 05 (Tài liệu bản đồ 02/CT-UB), bộ địa

chính xã T (nay là phần đất ông Đ xin cấp GCNQSD đất, diện tích 7.769,6m^2, thuộc một phần thửa 199, tờ bản đồ số 01 (bản đồ kỹ thuật số); thời hạn cho thuê là 05 năm. Sau khi hết thời hạn thuê, hai bên không gia hạn hợp đồng, nhưng cũng chưa làm thủ tục thanh lý hợp đồng nên ông Đ vẫn tiếp tục sử dụng đất thuê và trồng tràm trên đất vào năm 2013. Đến năm 2014, ông Đ gửi đơn đến cơ quan chức năng *"kiến nghị xin mua lại lô đất khoảng 8.000m^2"* (nay thuộc thửa 199, tờ bản đồ số 01, bản đồ kỹ thuật số), nhưng không được chấp nhận. Như vậy, có cơ sở xác định diện tích đất trên không thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Đ nên khi ông Đ có đơn yêu cầu cấp GCNQSD đất, UBND huyện C ban hành Thông báo số 8055/UBND-TNMT ngày 24/8/2020 có nội dung, không chấp nhận yêu cầu của ông Đ là đúng quy định của pháp luật về đất đai. Ông Đ khiếu nại Thông báo trên nên ngày 08/01/2021, Chủ tịch UBND huyên Củ Chi ban hành Quyết định số 60/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Đ với nội dung, không chấp nhận khiếu nại là có căn cứ.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu của Người khởi kiện đối với Người bị kiện là đúng pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Người khởi kiên thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp án phúc phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn Văn Đ. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 114/2024/HC-ST ngày 17/4/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng: Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về Án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu Tòa án hủy: Văn bản số 8055/UBND-TNMTT ngày 24/8/2020 *"Về việc giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Đ, tại Công văn số 2439/VPĐK-CNCC ngày 24/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện C"* của Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 60/QĐĐ-UBND ngày 08/01/2021 *"Về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ (lần đầu)"* của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ được miễn án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP; HSVA; NTK.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Tuấn